TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 927/2026/DS-PT
Ngày 05 - 8 - 2026
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Thẩm phán: Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Bà Võ Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 900/2026/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2026/DS-ST ngày 26 - 02 - 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 966/2026/QĐPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026, và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 907/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Ong Thị K; địa chỉ: ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ (có mặt);

Người đại diện hợp pháp của bà Ong Thị K: Bà Phạm Thị Mỹ D; địa chỉ: C, Q, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh "là người được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2026", có mặt;

1.2. Bà Ong Thị H; địa chỉ: ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ (có mặt);

1.3. Bà Ong Thị Ú; địa chỉ: ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ (có mặt);

2. Bị đơn:

2.1. Bà Ong Thị C; địa chỉ: ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ (có mặt);

2.2. Ông Ong Lèn H1; địa chỉ: ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Ong Lèn H1: Bà Ong Thị C "là người được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2025", có mặt;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Ong Thị C: Ông Phạm Văn T; nơi cư trú: Số D H, Khu phố D, phường L, thành phố Hồ Chí Minh "là người được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2026", có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ong Thị L; địa chỉ: ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ (có mặt);

3.2. Bà Ong Thị T1; địa chỉ: A Khu A, ấp T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

3.3. Bà Ong Thị H2; địa chỉ: ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ (vắng mặt);

3.4. Ông Ong Văn T2; địa chỉ: ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ (vắng mặt);

3.5. Ông Ong Văn Minh H3; địa chỉ: ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

3.6. Bà Ong Thị B; địa chỉ: ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ (vắng mặt);

3.7. Bà Ong Thị H4; địa chỉ: ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bà Ong Thị T1, ông Ong Văn T2, ông Ong Văn Minh H3, bà Ong Thị B, bà Ong Thị H4, bà Ong Thị H2, bà Ong Thị L: bà Ong Thị K, bà Ong Thị Ú, bà Ong Thị H "là người được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2025", có mặt;

3.8. Bà Lý Linh Đ; địa chỉ: ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ (có mặt);

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Ong Thị Chu .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Ong Thị K, bà Ong Thị H và bà Ong Thị Ú là con của bà Trần Thị Kim A; gia đình của các bà có 03 căn nhà, đất làm nông nghiệp ở phía sau đất của ông Tăng G (Vèo) – bà Tăng Thị T3 và đất của ông Ong Lèn H1 (trước đây là của ông Ông S – cha của bà Ong Thị C, ông Ong Lèn H1).

Gia đình của các nguyên đơn đã ở đó trên 50 năm, ban đầu không có đường đi nên đi nhờ trên phần đất của cha mẹ ông G (Vèo) tại vị trí tranh chấp như hiện

nay thuộc một phần thửa 75, tờ bản đồ số 94, tọa lạc tại ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ; giáp ranh với đất của ông Ong S1.

Đến ngày 01/8/2006, bà Trần Thị Kim A thỏa thuận với ông G (Vèo) – bà T3 mua lại phần đường đi này có chiều ngang 2m, dài từ lộ vô hết đất; có làm giấy tay, có đo đạc cặm ranh và đã thanh toán đủ tiền nhưng không tách thửa được do không đủ diện tích. Sau này, vợ chồng ông G (Vèo) – bà T3 chuyển nhượng đất cho bà Lý Linh Đ thửa đất 75, tờ bản đồ số 94, tọa lạc tại ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ (trong đó có phần đường đi đã bán cho bà Kim A).

Khi bà Đ nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông G (Vèo) – bà T3, thì vợ chồng ông G (V) – bà T3 cũng có nói cho bà Đ biết phần đất đường đi bà Kim A mua hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) này và không tách thửa được; bà Đ có biết và đồng ý đứng tên thay phần đường đi này (do không đủ điều kiện tách thửa) gia đình các nguyên đơn và bà Đ có làm tờ thỏa thuận; sau đó, bà Đ đã được cấp GCNQSDĐ vào ngày 21/02/2023.

Đến ngày 06/4/2025, bà Ong Thị C và ông Ong Lèn H1 cho rằng phần đất 02 mét ngang là đường đi của gia đình nguyên đơn mà bà Trần Thị Kim A đã mua là đất của bà C và ông H1 nên hai người đã làm hàng rào chiếm phần đất này gây khó khăn cho gia đình các nguyên đơn không có lối đi ra lộ.

Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn Ong Thị C, Ong L tháo dỡ hàng rào trả lại lối đi cho gia đình nguyên đơn có diện tích 87,7m^2 thuộc một phần thửa số 75, tờ bản đồ số 94 đất tọa lạc tại ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ; theo hiện trạng thẩm định của Tòa án có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 534 có số đo 0,88m + 33,50m + 10,31m.

- Hướng Tây giáp thửa đất 75, có số đo 33,35m + 10,33m.

- Hướng Nam giáp lộ, có số đo 2m.

- Hướng Bắc giáp thửa đất số 66 của ông Ong H5 và đất của bà Ong Thị H có số đo 2,01m.

Ngoài ra, nguyên đơn Ong Thị K yêu cầu các bị đơn Ong Thị C, Ong L bồi thường thiệt hại do bà C, ông H1 do rào lối đi, không vận chuyển được hành ra bán với số lượng 3.000 kg, với giá tại thời điểm rào hàng rào là 10.000 đồng (mười nghìn đồng)/kg là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Nguyên đơn Ong Thị H yêu cầu các bị đơn Ong Thị C, Ong Lèn Hái bồi thường thiệt hại do bà C, ông H1 rào lối đi, không vận chuyển được ớt ra bán với số lượng 2.000 kg, với giá tại thời điểm rào hàng rào là 11.000 đồng (mười một nghìn đồng)/kg là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Đối với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và Kết luận thẩm định giá các nguyên đơn thống nhất. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Thẩm định giá và các lệ phí khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án các bị đơn ông Ong Lèn H1, bà Ong Thị C (ông H1 do bà C đại diện, bà C do ông Phạm Văn T đại diện) trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha ruột bà C và ông H1 là ông Ong S1 được thừa kế từ ông bà để lại và sử dụng ổn định từ trước giải phóng; đã được cấp GCNQSDĐ cho ông O Sển từ năm 1996 thuộc thửa đất số 534, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ; đến năm 2010 mới tặng lại cho ông Ong Lèn H1; việc tặng cho này bà C và các anh chị em khác không biết.

Đến khi anh em của bà C khởi kiện ông Ong Lèn H1 về tranh chấp thừa kế đối với thửa đất số 534, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ; khi tiến hành đo đạc thì phát hiện phần đất này bị thiếu so với quyền sử dụng đất được cấp cho ông S1, nên bà C mới hỏi ông H1 sử dụng đất đến đâu, ông H1 chỉ ranh xong thì bà C và ông H1 tiến hành rào lại. Khi rào lại, bà C có thỏa thuận ranh với bà Lý Linh Đ. Gia đình các nguyên đơn Kiều, H, Ú không có đất ở đây, nên bà C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại mà bà Ong Thị K yêu cầu bà C, ông H1 bồi thường 3.000 kg hành bị hư với giá là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và bà Ong Thị H yêu cầu bà C, ông H1 bồi thường 2.000 kg ớt bị hư với giá là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng); bà C không đồng ý vì gia đình các nguyên đơn Kiều, H, Ú không có đất ở đó, không có hành và ớt bị hư, bà C – ông H1 cũng không làm gì hư hành ớt mà yêu cầu bà C – ông H1 bồi thường.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ong Thị H6 do người đại diện trình bày: Vào ngày 01/8/2006, mẹ của bà H6 là bà Trần Thị Kim A có mua 01 miếng đất của vợ chồng ông Tăng G và bà Tăng Thị T3 với diện tích ngang 2m, dài từ lộ vô tới hết đất để làm đường đi với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); một thời gian sau phần đất còn lại của ông G và bà T3 đã bán lại cho bà Lý Linh Đ, trong GCNQSDĐ của bà Lý Linh Đ bao gồm luôn phần diện tích 2m đất gia đình bà đã mua, bà Lý Linh Đ cũng cam kết không có tranh chấp về sau. Có sự chứng kiến của 07 người, trong đó có ông Ong Lèn H1. Đến ngày 06/4/2025 ông Ong Lèn H1 và bà Ong Thị C nói phần đất 2m là của gia đình họ và kéo hàng rào lại không cho gia đình bà sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ong Thị T1, ông Ong Văn T2, ông Ong Văn Minh H3, bà Ong Thị B, bà Ong Thị H4, bà Ong Thị H2, bà Ong Thị L (do bà Ong Thị K, bà Ong Thị Ú, bà Ong Thị H đại

diện theo ủy quyền) trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, không bổ sung gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Linh Đ trình bày (BL 19, 69): Vào năm 2014, bà Đ có mua 01 miếng đất của ông Tăng G với diện tích ngang 18m, dài hết phần đất (trong đó có 2m đất của gia đình bà Ong Thị H6, Ong Thị K, Ong Thị H, Ong Thị Ú để làm đường đi). Đến ngày 06/4/2025 ông Ong Lèn H1 nói phần đất 2m ngang này là của gia đình ông và rào lại. Tuy nhiên, phần diện tích đất đang tranh chấp nêu trên là của gia đình bà K, bà H, bà Ú, bà H6 và nằm trong quyền sử dụng đất của bà Lý Linh Đ, đã được cấp GCNQSDĐ cho bà Lý Linh Đ đứng tên.

Nguồn gốc đất tranh chấp này là một phần diện tích đất của bà Lý Linh Đ mua của vợ chồng bà Tăng Thị T3, ông Tăng G (Vèo), lúc mua thì bà T3 đã được cấp GCNQSDĐ. Khi bà Đ mua đất thì đã có lối đi 2m do gia đình Ong Thị K, Ong Thị H đi và bà T3 cũng có nói cho bà Đ biết là lối đi này từ xưa đã bán cho gia đình bà K, do không đủ diện tích tách thửa, nên vẫn nằm trong GCNQSDĐ của bà T3, nên bà Đ vẫn cho để phần lối đi này trong GCNQSDĐ của bà Đ, có làm cho gia đình bà K tờ cam kết để gia đình bà K yên tâm, con cháu bà Đ sau này không tranh chấp với gia đình bà K.

Người làm chứng ông Tăng G (Vèo, BL 100) trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa chị em bà Ong Thị K với bà Ong Thị C là phần đường đi có chiều ngang 2m, đất có nguồn gốc là của ông Ong Sền K1 bán cho ông Tăng S2 và bà Kim Thị S3 (cha mẹ của ông G), khi ông S2 mua đất đã có đường đi rồi, do chủ đất trước đó đồng ý cho gia đình bà Kim A đi nhờ. Từ khi gia đình ông G mua đất đến nay thì bà C và gia đình ông O Sển ở gần, nhưng không tranh chấp.

Khi cha mẹ ông G mua đất thì phần đất này đã cho gia đình bà Trần Thị A đi nhờ; sau đó cha mẹ ông Giàu C1 bán lại cho gia đình bà A 2m đất để làm lối đi, có làm giấy tay, lúc bán đất ông G đang ở chung với cha mẹ, do cha mẹ lớn tuổi nên để ông G và vợ là bà Tăng Thị T3 đứng ra ký giấy bán đất cho bà Kim A, giá 10.000.000 đồng/m. Thời điểm bán 2m đất để làm đường đi thì gia đình ông G đã có GCNQSDĐ do ông Tăng S2 đứng tên, do diện tích 2m nên không thể làm sổ đỏ.

Sau đó, phần đất còn lại gia đình ông G đã bán lại cho bà Lý Linh Đ, lúc bán có nói cho bà Đ biết đã bán trước cho bà Kim A 2m để làm đường đi, có đo đạc cụ thể và bà Linh Đ đồng ý đứng tên dùm do không tách thửa được.

Thực tế, lối đi này gia đình bà K đã sử dụng hơn 30 năm, trước đó cho đi nhờ nhưng sau này cha ông G đã bán lại cho gia đình bà Kim A để làm lối đi. Lúc

cha ruột của bà C và ông S1 còn sống các bên có nhờ chính quyền đến đo đạc và cặm ranh lối đi để sau này không phát sinh tranh chấp.

Người làm chứng ông Mai C2 trình bày (BL 99): nhà ông Mai C2 đối diện phần diện tích đất đang tranh chấp giữa chị em bà Ong Thị K và bà Ong Thị C là phần đất đường đi, có chiều ngang 2m. Ông C2 sống tại đây từ nhỏ đến lớn nên biết được nguồn gốc đất này trước đây là của ông Ong Sền K1, lúc ông K1 còn sử dụng đã cho bà Trần Thị Kim A là mẹ của bà Ong Thị K đi nhờ. Sau đó ông K1 bán đất cho ông Tăng S2 và bà Kim Thị S3 và gia đình ông S2 cũng cho gia đình bà Kim A đi nhờ. Sau đó, ông S2 bán cho bà Kim A 2m đất để làm đường đi, những người ở gần ai cũng biết vì đường đi này gia đình bà Kim A đã sử dụng cách nay hơn 30 năm. Từ trước đến nay bà C và ông Ong S1 cũng ở đây nhưng không có tranh chấp. Hiện nay, gia đình bà H rất khó khăn do ở phía sau không có lối đi, người lớn thì bệnh, các cháu nhỏ không có đường đi ra để đi học vì đây là lối đi duy nhất của gia đình bà H sử dụng từ trước đến nay.

Người làm chứng ông Ong Buồl Y (BL 101) trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa chị em bà Ong Thị K và bà Ong Thị C là phần đường đi có bề ngang 2m, đất có nguồn gốc là của ông Ong Sền K1, lúc ông K1 còn sử dụng đã cho gia đình bà Kim A (mẹ ruột của bà K) đi nhờ. Sau đó, ông K1 bán đất lại cho ông Tăng S2 và bà Kim Thị S3 cũng cho gia đình bà Kim A đi nhờ, thời gian sau ông S2 có bán lại cho bà Kim A 2m đất để làm lối đi, những người ở gần ai cũng biết phần lối đi đang tranh chấp là của gia đình bà Kim A đã sử dụng hơn 30 năm. Từ trước đến nay, khi cha bà C còn sống không phát sinh tranh chấp, giữa phần lối đi và đất của bà C có cắm trụ đá làm ranh nhưng hiện nay còn không thì ông Y không biết.

Hiện nay, gia đình bà K, bà H, bà Ú rất khó khăn do nhà ở phía sau không có lối đi, nhà có người lớn bị bệnh, các cháu nhỏ phải đi học, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết sớm vì đây là lối đi duy nhất của gia đình chị em bà K.

Người làm chứng ông Thạch D1 (BL 102) trình bày: Ông D1 có biết việc tranh chấp đất đai giữa chị em bà Ong Thị K và bà Ong Thị C, lý do khi chị em bà K xô ngã cột và hàng rào thì bà Ong Thị C có trình báo sự việc đến Công an xã V và Công an có đến hiện trường xác minh, làm việc, đúng là có sự việc xô ngã cột và hàng rào. Việc bà Ong Thị K và bà Ong Thị H cho rằng hành, ớt bị hư thì không có trình báo với Công an nên ông D1 không biết sự việc.

Người làm chứng ông Lê Ngọc Q (BL 104) trình bày: Ông Q hiện đang công tác tại Công an xã V, thành phố Cần Thơ, ông Q có biết việc tranh chấp đất giữa bà K và bà C nhưng không có tham gia giải quyết nên không biết có xảy ra thiệt hại về tài sản hay không. Vào ngày 12/6/2025, ông Q có ký xác nhận, đóng dấu

vào đơn đăng ký thường trú của bà Ong Thị K, bà Ong Thị H và bà Ong Thị Út .1 Tuy nhiên, sau đó kiểm tra lại thì phát hiện trang đầu tiên nơi gửi là Ủy ban nhân dân xã V, nội dung yêu cầu xác nhận thiệt hại, do không thuộc thẩm quyền nên ông Q đã thu hồi lại văn bản và hướng dẫn bà K nộp đơn tại Ủy ban nhân dân xã V, việc bà K nộp bản xác nhận thiệt hại có xác nhận của Công an xã V cho Tòa án là do lúc thu hồi văn bản bà K đã không trả lại hết cho Công an.

Ông Q khẳng định chỉ xác nhận đăng ký thường trú của bà Ong Thị K, bà Ong Thị H và bà Ong Thị Ú chứ không xác nhận thiệt hại vì thực tế ông Q không biết vụ việc tranh chấp có thiệt hại hay không, không trực tiếp thấy thiệt hại cũng không chỉ đạo cán bộ xác minh thiệt hại.

Tại biên bản xác minh ngày 26/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tại Phòng kinh tế xã V (BL 215-216):

Ông Ong Phi L1 cán bộ Phòng kinh tế xã V, thành phố Cần Thơ trình bày: Theo sản lượng tại địa phương xã V nếu trồng diện tích 1000m^2 ớt thu hoạch một mùa bình quân sản lượng được khoảng 2,5 tấn; đối với hành tím nếu trồng diện tích 1000m^2 thu hoạch bình quân khoảng 1,3 tấn.

Tại biên bản xác minh ngày 26/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tại ấp Â, xã V (BL 217-218):

Ông Trần Minh H7 - Trưởng Ban N, xã V trình bày: Ông H7 có biết việc tranh chấp đất giữa chị em bà K và bà C. Phần đất đang tranh chấp là lối đi ra lộ lớn do gia đình bà K mua lại của ông Tăng S4 (S, cha của bà Tăng Thị T3), lối đi này đã được gia đình bà K sử dụng hơn 30 năm, việc gia đình bà K mua miếng đất làm đường đi ông H7 nghe nói lại.

Năm 2025, bà C dùng lưới B40 rào lối đi lại, do không có đường đi nên gia đình bà K, bà H có báo chính quyền địa phương là hành và ớt thu hoạch nhưng không có lối đi nên không bán được, ông H7 có tiến hành xác minh thực tế ớt bà H bỏ khô trên cây, toàn bộ đã hư hỏng nhưng không có số lượng bao nhiêu. Theo ông H7 được biết, nếu trồng 01 công hành tím thì thu hoạch khoảng trên 02 tấn, ớt thì ông H7 không rõ sản lượng bao nhiêu.

Căn cứ Công văn số 976 ngày 22/12/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XX cung cấp Tòa án như sau (BL 107):

+ Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông O Sển cấp ngày 30/12/1996:

Theo đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ong S1 được lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C vị trí thửa đất thuộc

các thửa đất: Thửa đất số 534 và thửa 45, tờ bản đồ số 08, địa chỉ đất: ấp Â, xã V, huyện V, Sóc Trăng (nay là ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ).

Trường hợp cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Ông S, vào thời điểm đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà giai đoạn năm 1993-1998, nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ, được phép kê khai đăng ký, lập hồ sơ và cấp GCNQSDĐ trên cơ sở khai thác sử dụng tối đa các tài liệu, tư liệu, bản đồ hiện có tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ với thửa nêu trên, nguồn gốc đất, hiện trạng đất, chủ sử dụng thực tế do Ủy ban nhân dân xã xác định theo đơn kê khai đăng ký và được Chủ tịch Hội đồng đăng ký đất đai cấp xã xác nhận.

+ Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông O Lèn Hái ngày 30/11/2010 đối với thửa đất số 534, tờ bản đồ số 08:

GCNQSDĐ đối với thửa đất nêu trên cấp theo quy định Luật đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 về thi hành Luật Đất đai và Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Năm 2010 ông Ong Lèn H1 nhận tặng cho từ Giấy chứng nhận số BB 064224 của ông Ong S1 (theo hồ sơ thể hiện Giấy chứng nhận số BB 064224 của ông Ong S1 được cấp lại do mất giấy chứng nhận).

+ Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ 94 do bà Lý Linh Đ đứng tên.

GCNQSDĐ đối với thửa đất nêu trên cấp theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013 (được sửa đổi bởi Nghị định 148/2020/NĐ-CP) và Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T4 quy định về Hồ sơ địa chính (được sửa đổi bởi Thông tư 33/2017/TT-BTNMT và Thông tư 09/2021/TT-BTNMT) và Quyết định số 3876/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh S quyết định về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, lĩnh vực đất đai áp dụng tại các huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

+ Việc chênh lệch diện tích cấp GCNQSDĐ của thửa đất số 534, tờ bản đồ số 08 giữa hai thời điểm cấp giấy chứng nhận, theo hồ sơ lưu trữ tại đơn vị thể hiện ông Ong S1 thực hiện đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận với lý do giảm diện tích theo biên bản về việc thẩm tra, đo đạc hiện trạng phần đất của ông Ong S1 lập ngày 19 ngày 01 năm 2010 *"....phần diện tích đất thửa 534, tờ bản đồ số 08 còn lại sau khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi, bồi thường phục vụ Dự án xây*

dựng Quốc lộ N là 4572 m^2….”

Căn cứ Công văn số 162 ngày 26/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XX cung cấp Tòa án như sau (BL 148-161):

Cung cấp toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà Tăng Thị T3 ngày 31/01/2023 tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 94, toạ lạc tại ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ, hồ sơ cấp giấy đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Tại chứng thư thẩm định giá số 25252/CT-EXIMVAS ngày 20/10/2025 của Công ty cổ phần G1 và thẩm định giá kết luận định giá EXIMVAS kết luận (BL 179):

Phần đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ 94 và thửa đất số 534, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ có tổng giá trị là 110.849.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Ong Thị C là Luật sư Nguyễn Văn S5 trình bày: Phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ; tại thửa 534 của ông S1 (cho ông H1) được cấp GCNQSDĐ trước thửa đất số 75 của bà T3 (chuyển nhượng cho bà Linh Đ) 27 năm. Khi ông S1 làm thủ tục tách thửa đất số 534 ra một giấy riêng vào năm 2010 (cho ông H1) thì cũng trước khi thửa đất số 75 của bà T3 được cấp giấy là 13 năm. Như vậy, khi ông S1 được cấp GCNQSDĐ tại thửa 534 thì thửa đất số 75 của bà T3 chưa được GCNQSDĐ. Vì vậy, có thể khẳng định, chỉ có thể diện tích đất thửa 75 của bà T3 được cấp chồng lấn lên diện tích đất thửa 534 của ông S1, vì đất của bà T3 được cấp giấy sau đất của ông S1.

Mặc dù, ông H1 đang quản lý, sử dụng cạnh hướng Nam giáp lộ N có số đo lớn hơn trong GCNQSDĐ được cấp là 0,18m (tức 1 tấc 8 phân) và cạnh hướng Bắc giáp thửa 64, 65 tờ bản đồ số 94 của ông H8 và ông H5, có số đo lớn hơn trong GCNQSDĐ được cấp là 2,37m.

Tuy nhiên, phần diện tích đất mà bà C, ông H1 sử dụng thừa là nằm trong GCNQSDĐ của bà Linh Đ. Nếu bà Linh Đ khởi kiện ông H1 lấn chiếm đất thì có cơ sở chấp nhận phần diện tích đất mà bà C, ông H1 lấn chiếm nêu trên.

Còn phần đất bà K, bà H, bà Ú hiện đang sử dụng làm đường đi là nằm trong GCNQSDĐ của bà Linh Đ, khi nhận chuyển nhượng đất từ bà T3, bà Linh Đ đã đồng ý để phần đất của bà K, bà H, bà Ú nằm trong GCNQSDĐ của bà Linh Đ. Việc thoả thuận vị trí đất làm đường đi của các bà Linh Đ, bà K, bà H, bà Ú như thế nào thì tự các bà biết. Nếu có xảy ra tranh chấp thì nội bộ các bà tự giải quyết, còn như không giải quyết được thì bà K, bà H, bà Ú có quyền khởi kiện bà

Linh Đ để xác định đủ kích thước và vị trí 02 mét đất làm đường đi, không liên quan gì đến bà C, ông H1.

Từ những phân tích trên có cơ sở kết luận, bà C, ông H1 đã xây dựng hàng rào giáp ranh đất của bà Linh Đ, có lấn qua đất của bà Linh Đ: Cạnh hướng Nam giáp lộ N, có số đo là 0,18m và cạnh hướng Bắc giáp thửa 64, 65 tờ bản đồ số 94 của ông H8 và ông H5, có số đo là 2,37m, không có chiếm 02 mét đất bề ngang mặt tiền lộ Nam Sông H9 chạy dài ra phía sau giáp đất của ông H8, ông H5. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, bà H, bà Ú về việc yêu cầu bà C, ông H1 tháo dỡ hàng rào trả lại diện tích đất tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà K, bà H về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng:

+ Bà K yêu cầu bà C, ông H1 bồi thường thiệt hại 03 tấn hành bị hư, giá mỗi ký hành là 10.000 đồng x 3.000 ký = 30.000.000 đồng.

+ Bà H yêu cầu bà C, ông H1 bồi thường thiệt hại: 2.000 kg ớt bị hư, giá mỗi ký ớt là 11.000đ/kg = 22.000.000 đồng.

Bà C và ông H1 không có chiếm 02 mét đất làm đường đi của bà K, bà H nên việc hành của bà K và ớt của bà H bị hư không liên quan gì đến bà C và ông H1. Mặt khác, bà K và bà H không chứng minh được việc bà C, ông H1 xây dựng hàng rào gây thiệt hại đến hành và ớt của 02 bà bị hư do không có đường vận chuyển đi bán được. Bởi lẽ:

Đối với yêu cầu này, bà K, bà H có cung cấp cho Tòa án "Bản kê khai thiệt hại" ghi ngày 12/6/2025. Trong bản kê khai, nơi gửi là Ủy ban nhân dân xã V, ký xác nhận phía dưới là ông Lê Ngọc Q. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng (ông Lê Ngọc Q – cán bộ Công an xã V, TP Cần Thơ) của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ ngày 31/10/2025, ông Q trình bày: "ông khẳng định chỉ xác nhận đăng ký thường trú cho bà Ong Thị K, ông Thị H và Ong Thị Ú, không xác nhận thiệt hại. Vì thực tế ông Q không biết vụ việc tranh chấp có thiệt hại hay không, không trực tiếp thấy thiệt hại và cũng không chỉ đạo cán bộ xác minh thiệt hại".

Tại biên bản xác minh ngày 30/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ đối với ông Lâm D2 - cán bộ Công an xã V, thành phố Cần Thơ, ông D2 cung cấp thông tin như sau: Các chị em của bà Ong Thị K, Ong Thị H, Ong Thị Ú có tranh chấp đất với chị em của bà Ong Thị C và Ong Lèn H1. Khi chị em bà K, bà H, bà Ú xô ngã cột và hàng rào thì bà C, ông H1 có đến Công an xã trình báo và Công an xã có xuống hiện trường xác minh, làm việc, đúng là có xô trụ cột

hàng rào. Còn việc bà H, bà K cho rằng hư hành và ớt thì không có trình báo với Công an, nên Công an không biết việc này.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận không chấp nhận yêu cầu của bà K, bà H về việc yêu cầu bà C, ông H1 bồi thường thiệt hại. Do đó yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2026/DS-ST ngày 26 - 02 - 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ đã tuyên xử như sau (tóm tắt):

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Ong Thị K, bà Ong Thị H, bà Ong Thị Ú đối với các bị đơn bà Ong Thị C, ông Ong Lèn H1 về tranh chấp lối đi.

Buộc bị đơn bà Ong Thị C và ông O Lèn Hái tháo dỡ hàng rào trả cho gia đình các nguyên đơn bà Ong Thị K, bà Ong Thị H, bà Ong Thị Ú đường đi có diện tích 87,7m^2 thuộc một phần thửa số 75, tờ bản đồ số 94 đất toạ lạc tại ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lý Linh Đ; có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 534 có số đo 0,88m + 33,50m + 10,31m.

- Hướng Tây giáp thửa đất 75, có số đo 33,35m + 10,33m.

- Hướng Nam giáp lộ, có số đo 2m.

- Hướng Bắc giáp của thửa 66 ông Ong H5 và đất của bà Ong Thị H có số đo 2,01m (có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ong Thị K, bà Ong Thị H đối với các bị đơn bà Ong Thị C và ông Ong Lèn H1 về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm đối với số hành tím bị hư số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và ớt bị hư với số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về việc chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 10/3/2026 bị đơn bà Ong Thị C có kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm số 25/2026/DS-ST ngày 26/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện;

Bị đơn không rút đơn kháng cáo;

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Ong Thị C kháng cáo (do ông Phạm Văn T đại diện) trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo: Hôm nay, bà C với ông T thống nhất yêu cầu đo đạc lại phần đất của gia đình các nguyên đơn (bà Ong Thị K, Ong Thị Ú và Ong Thị H) được chia thừa kế.

Nguyên đơn bà Ong Thị K (do bà Phạm Thị Mỹ D đại diện) trình bày: Nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng đất thống nhất như bản án sơ thẩm, không trình bày gì thêm.

Nguyên đơn bà Ong Thị H, Ong Thị Ú trình bày: thống nhất với bản án sơ thẩm, không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ong Thị L và bà Lý Linh Đ thống nhất trình bày: Không có ý kiến, yêu cầu gì; thống nhất với bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ trình bày quan điểm:

- *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: bị đơn bà Ong Thị C kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 25/2026/DS-ST ngày 26 - 02 - 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ (Kèm theo bài phát biểu của Kiểm sát viên).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Vào ngày 26 tháng 02 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ ban hành bản án sơ thẩm; ngày 10/3/2026, bị đơn bà Ong Thị C có đơn kháng cáo; về quyền kháng cáo, hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; do đó, kháng cáo được coi là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: bà Ong Thị T1, bà Ong Thị H2, ông Ong Văn T2, ông Ong Văn Minh H3, bà Ong Thị B, bà Ong Thị H4 đã được triệu tập

hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt, không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên tòa, không có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa người kháng cáo và người đại diện hợp pháp của người kháng cáo yêu cầu đo đạc lại phần đất của gia đình phía nguyên đơn được chia thừa kế trong một vụ án khác; xét thấy, yêu cầu này không liên quan đến kháng cáo nên không có căn cứ để chấp nhận, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo quy định về tố tụng dân sự.

[4] Nguồn gốc đất: theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì phần đất tranh chấp là của gia đình ông Tăng S2 - bà Kim Thị S3; sau đó cho bà Tăng Thị T3, bà T3 chuyển nhượng cho bà Lý Linh Đ; hiện nay, do bà Lý Linh Đ đứng tên trên GCNQSDĐ bao gồm cả phần đất tranh chấp.

[4.1] Thời điểm bà T3 nhận thừa kế đất từ ông Tăng S2 và đăng ký quyền sử dụng đất, ông Ong Lèn H1 có ký giáp ranh. Sau khi được cấp GCNQSDĐ, bà T3 chuyển nhượng cho bà Lý Linh Đ; khi bà Đ nhận chuyển nhượng đất thì bà Đ biết lối đi này nằm trong GCNQSDĐ của bà T3, bà Đ đồng ý đứng tên thay do không đủ diện tích tách thửa, các bên có làm "Biên bản thỏa thuận" và có người làm chứng là ông Ong Lèn H1, ông Mai S6 và có xác nhận của Ban N; tại Biên bản thỏa thuận có ghi nhận vị trí phần đường đi, hai bên có đóng cọc bằng trụ đá làm ranh; sau đó, gia đình bà K có đổ đá xanh gia cố thêm đường đi bằng đất trước đây, ông Ong Lèn H1 biết mà không tranh chấp.

[4.2] Quá trình kê khai đăng ký và sử dụng đất: Như nhận định tại mục [4] và [4.1] nêu trên, quá trình cấp GCNQSDĐ cho bà Lý Linh Đ được thực hiện đúng quy định của pháp luật, thời điểm cấp GCNQSDĐ thì ông Ong Lèn H1 có ký tên giáp ranh, không phát sinh tranh chấp; đến ngày 06/4/2025 thì phát sinh tranh chấp.

[4.3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các ông, bà: bà Lý Linh Đ, ông Tăng V (Giàu), ông Ong Buồl Y, bà Ong Thị H6 và ông Mai C2 đã có căn cứ để xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là lối đi của ông Tăng V (G) và vợ là bà Tăng Thị T3 bán cho bà Trần Thị Kim A (mẹ ruột của các nguyên đơn), việc mua bán bằng giấy tay với giá 10.000.000 đồng/m, lối đi này đã được gia đình nguyên đơn công khai sử dụng ổn định, liên tục hơn 30 năm không xảy ra tranh chấp.

[5] Về phía các bị đơn bà Ong Thị C và ông Ong Lèn H1 cho rằng phần diện tích đất hiện đang tranh chấp là của ông O Sển được thừa kế từ ông bà để lại

và sử dụng ổn định từ trước giải phóng đến năm 2010 mới tặng lại cho ông Ong Lèn H1. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ghi nhận, phần đất của gia đình bị đơn thuộc thửa số 534, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ; còn phần đất đang tranh chấp có diện tích 87,7m^2 thuộc thửa số 75, tờ bản đồ số 94, tọa lạc tại ấp Â, xã V, thành phố Cần Thơ do bà Lý Linh Đ đứng tên trên GCNQSDĐ; qua đó cho thấy 02 thửa đất (534 và 74) là của hai chủ sử dụng đất khác nhau.

[6] Theo Công văn số 976 ngày 22/12/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XX cung cấp cho Tòa án có sự chênh lệch diện tích cấp GCNQSDĐ của thửa đất số 534, tờ bản đồ số 08 giữa hai thời điểm cấp giấy chứng nhận, theo hồ sơ lưu trữ tại đơn vị thể hiện ông Ong S1 thực hiện đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận với lý do giảm diện tích theo biên bản về việc thẩm tra, đo đạc hiện trạng phần đất của ông Ong S1 lập ngày 19 ngày 01 năm 2010 *"....phần diện tích đất thửa 534, tờ bản đồ số 08 còn lại sau khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi, bồi thường phục vụ Dự án xây dựng Quốc lộ N là 4572 m^2...."*.

[6.1] Theo GCNQSDĐ của ông Ong S1 và ông Ong Lèn H1 thì thửa đất số 534 của ông O Lèn Hái được ghi nhận diện tích là 4.572m^2 (sau khi chỉnh lý biến động cho ông Ong Lèn H1 đứng tên trên GCNQSDĐ), không có số đo các cạnh của thửa đất (BL 61, 79);

[6.2] Theo Sơ đồ vị trí tranh chấp ngày 07/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 - Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố C (BL 97) ghi nhận diện tích không tranh chấp thửa 534 là 4.706,6m^2; do đó: 4.706,6m^2 - 4.572m^2 = 134,6m^2; qua đó đã có căn cứ để chứng minh, chưa tính phần đất đang tranh chấp (lối đi) có diện tích 87,7m^2 thì ông Ong Lèn H1 đang sử dụng đất dư 134,6m^2 so với diện tích ông H1 được cấp GCNQSDĐ.

[7] Bị đơn bà Ong Thị C kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh; ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát đề xuất hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án; do đó, kháng cáo của bị đơn bà Ong Thị C là không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Như nhận định tại mục [7] nêu trên. Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, buộc bà Ong Thị C phải chịu án phí.

[9] Những phần của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn: bà Ong Thị Chu .

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2026/DS-ST ngày 26 - 02 - 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Ong Thị C phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được chuyển 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004515 ngày 10/3/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

4. Những phần của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 05/8/2026.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp Cần Thơ;
- CQ THADS Tp Cần Thơ;
- TAND khu vực 8-Cần Thơ;
- Đương sự;
- Cổng TTĐT (để công bố);
- Lưu HSVA; VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng